

Số: 211/TTr-SD3-HĐQT

Kon Tum, ngày 29 tháng 6 năm 2021

## **TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020  
đã kiểm toán Công ty cổ phần Sông Đà 3**

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 3**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 đã được sửa đổi, bổ sung ngày 24/11/2010;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập ngày 29/3/2011 và văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 3;

Căn cứ Báo cáo KT độc lập số: 3.0128/21/TC-AC; số: 3.0117/21/TC-AC ngày 31/3/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Thực hiện quy định hiện hành và kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty hàng năm. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Nhất trí thông qua Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Sông Đà 3 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C (*Báo cáo tài chính đã kiểm toán kèm theo*).

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: TCHC, Tài liệu ĐHĐCĐ năm 2020.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiến Trường**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. <b>Mục lục</b>	<b>1</b>
2. <b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
3. <b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 - 6</b>
4. <b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>7 - 10</b>
5. <b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>11</b>
6. <b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>12 - 13</b>
7. <b>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>14 - 44</b>

\*\*\*\*\*



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tổng công ty”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Sông Đà 3 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Sông Đà 3 thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 2372/QĐ – BXD ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189364 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ 11 ngày 23 tháng 11 năm 2020.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.
- Điện thoại : (0269) 3715390
- Fax : (0269) 3715389

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 3.06	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.02	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.07	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại Hà Nội	Số 18/165 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Ban Điều hành thủy điện Pleikrong	Sa Bình, Huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ cơ giới và công nghệ xây dựng đầu tư, xây dựng và khai thác các nhà máy phong điện vừa và nhỏ;
- Xay xát đá, nghiền đá và cắt tạo dầm đá xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công nghiệp, thủy lợi, bưu điện, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật;
- Đầu tư tài chính;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình đường bộ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban quản lý, điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019
Ông Kim Thành Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019
Ông Vũ Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Bình Đông	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Văn Tăng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Thự	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Việt Lương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2018
Ông Phạm Duy Huân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2018
Ông Trần Trọng Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

**Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Toán	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Vũ Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2019
Ông Đặng Bá Diễn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2016
Ông Phí Đình Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2013

**Đại diện pháp luật**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Toán	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Vũ Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

5-001-  
ANH  
TNHH  
S TUV  
C  
VANG  
KHANH



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

  
  
Phan Xuân Toán  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	ktiv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	ktv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot SH 06A/01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	ktv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	ktv.ct@a-c.com.vn

Số: 3.0128/21/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tổng công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo thuyết minh số VII.4, Công ty Cổ phần Sông Đà 3 và Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 có thống nhất cắt giảm phần doanh thu không đủ điều kiện thanh toán với giá trị 40.988.588.326 VND và bù trừ vào giá trị đã nghiệm thu chưa xuất hóa đơn của hạng mục Nhà máy của Công trình thủy điện Đồng Nai 5. Do ảnh hưởng của sự kiện trên, giá vốn của hạng mục Nhà máy của Công trình thủy điện Đồng Nai 5 được ghi nhận thiếu trong năm nay với giá trị theo ước tính của chúng tôi là 31.500.000.000 VND. Nếu giá vốn của công trình này được điều chỉnh, thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, các khoản mục “Hàng tồn kho” (mã số 141) và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ giảm 31.500.000.000 VND, đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục “Giá vốn hàng bán” (mã số 11) sẽ tăng và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (mã số 60) sẽ giảm với cùng số tiền 31.500.000.000 VND.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty Cổ phần Sông Đà 3 có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 193.914.530.819 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ (hoạt động xây lắp) tiếp tục bị đình trệ do thiếu vốn hoạt động. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Nha Trang**



**Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc**  
**Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0192-2018-008-1**



**Trần Thị Cẩm Vân – Kiểm toán viên**  
**Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 3215-2020-008-1**

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>629.119.259.209</b>	<b>676.773.801.617</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.441.920.453</b>	<b>4.427.932.371</b>
1. Tiền	111		8.441.920.453	4.427.932.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>364.892.131.174</b>	<b>392.008.078.556</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	312.104.468.717	336.762.281.607
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	14.462.117.717	17.750.276.644
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	55.077.815.259	54.247.790.824
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(16.752.270.519)	(16.752.270.519)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>252.959.890.499</b>	<b>275.280.361.989</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	252.959.890.499	275.280.361.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.825.317.083</b>	<b>5.057.428.701</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	457.800.963	331.945.163
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.727.572.806	4.085.540.224
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		639.943.314	639.943.314
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>694.481.190.252</b>	<b>703.970.247.831</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>780.000.000</b>	<b>780.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	780.000.000	780.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>597.185.730.046</b>	<b>627.859.618.773</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	597.003.592.535	627.596.531.266
- Nguyên giá	222		899.719.243.534	898.489.134.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(302.715.650.999)	(270.892.602.880)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	182.137.511	263.087.507
- Nguyên giá	228		404.750.000	404.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(222.612.489)	(141.662.493)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>71.766.317.954</b>	<b>46.906.718.916</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	71.766.317.954	46.906.718.916
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.900.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11a	4.900.000.000	4.900.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11b	1.000.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.849.142.252</b>	<b>23.523.910.142</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	18.348.548.328	22.998.728.787
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	500.593.924	525.181.355
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.323.600.449.461</b>	<b>1.380.744.049.448</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.208.503.916.536</b>	<b>1.264.624.049.355</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>883.503.197.733</b>	<b>894.623.330.552</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	204.649.322.480	200.024.749.916
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	626.122.160	4.885.522.382
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6.105.219.119	6.212.160.889
4. Phải trả người lao động	314	V.16	6.126.203.527	3.987.840.663
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	116.087.361.267	115.315.411.022
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,b	25.466.821.262	39.254.595.768
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	523.158.019.636	523.208.019.636
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.284.128.282	1.535.030.276
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>325.000.718.803</b>	<b>370.000.718.803</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b,c	325.000.718.803	370.000.718.803
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>115.096.532.925</b>	<b>116.120.000.093</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>115.096.532.925</b>	<b>116.120.000.093</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	159.993.560.000	159.993.560.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	100.029.499.600	100.029.499.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	26.541.379.302	23.233.250.510
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(174.358.453.273)	(170.039.877.266)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(174.419.623.282)	(170.039.877.266)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		61.170.009	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	2.890.547.296	2.903.567.249
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.323.600.449.461</b>	<b>1.380.744.049.448</b>

  
**Phạm Hồng Trung**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Văn Hình**  
 Kế toán trưởng

Kon Tum, ngày 31 tháng 3 năm 2021

  
**Phạm Xuân Toán**  
 Quyền Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	182.886.082.301	172.113.682.419
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		182.886.082.301	172.113.682.419
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	111.768.487.908	93.155.390.068
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.117.594.393	78.958.292.351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.750.652	755.233.421
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	46.247.909.867	71.733.044.058
Trong đó: chi phí lãi vay	23		46.216.393.147	71.733.044.058
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	22.637.002.462	22.451.633.812
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.246.432.716	(14.471.152.098)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	36.015.997	1.721.428.858
13. Chi phí khác	32	VI.7	631.411.301	2.479.861.907
14. Lợi nhuận khác	40		(595.395.304)	(758.433.049)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.651.037.412	(15.229.585.147)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.357.713.949	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	24.587.431	24.587.431
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		268.736.032	(15.254.172.578)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		26.765.905	(15.461.019.774)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		241.970.127	206.847.196
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(64)	(1.032)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(64)	(1.032)

Phạm Hồng Trung  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hình  
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Toán  
Quyền Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

# CHỈ TIÊU

Mô Tả

Đơn vị tính

## 1. Các khoản chi phí

### 1.1. Chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 1.1.1. Chi phí quản lý doanh nghiệp

##### 1.1.1.1. Chi phí quản lý doanh nghiệp

###### 1.1.1.1.1. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

Chi phí lãi vay

###### 1.1.1.1.2. Chi phí quản lý khác

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

###### 1.1.1.1.3. Chi phí quản lý khác

Thặng dư, giảm sút thặng dư

Thặng dư, giảm sút thặng dư

Tổng, giảm sút thặng dư kinh doanh

Tổng, giảm sút thặng dư

Tổng, giảm sút thặng dư

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

04 05

04 VI.3

31.516.720

(336.932.480)

05 VI.3, 6

(49.750.652)

(2.139.723.129)

06 VI.4

46.216.393.147

71.733.044.058

07

08

80.113.624.622

88.102.492.533

09

29.473.914.800

14.996.327.681

10

22.320.471.400

(9.706.973.881)

11

(45.388.524.994)

(5.982.254.414)

12

4.524.324.409

(3.145.582.398)

13

(41.117.443.147)

(42.985.557.600)

14

(41.117.443.147)

(42.985.557.600)

15

(41.117.443.147)

(42.985.557.600)

16

(41.117.443.147)

(42.985.557.600)

17

(41.117.443.147)

(42.985.557.600)

18

(41.117.443.147)

(42.985.557.600)

19

(41.117.443.147)

(42.985.557.600)

20

(41.117.443.147)

(42.985.557.600)

## 11. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng, cải tạo tài sản cố định và tài sản vô hình khác

2. Tiền chi để mua sắm, xây dựng, cải tạo tài sản cố định và tài sản vô hình khác

3. Tiền chi để mua sắm, xây dựng, cải tạo tài sản cố định và tài sản vô hình khác

4. Tiền chi để mua sắm, xây dựng, cải tạo tài sản cố định và tài sản vô hình khác

5. Tiền chi để mua sắm, xây dựng, cải tạo tài sản cố định và tài sản vô hình khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a	6.000.000.000	5.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a	(48.450.000.000)	(41.999.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>V.1</b>	<b>(42.450.000.000)</b>	<b>(36.999.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.013.988.082</b>	<b>960.947.323</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>4.427.932.371</b>	<b>3.466.946.178</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		-	38.870
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>8.441.920.453</b>	<b>4.427.932.371</b>



**Phạm Hồng Trung**  
Người lập biểu



**Nguyễn Văn Hình**  
Kế toán trưởng

Kon Tum, ngày 31 tháng 3 năm 2021




**Phạm Xuân Toán**  
Quyền Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>14 - 38</b>

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Sông Đà 3 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Sông Đà 3 thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 2372/QĐ – BXD ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189364 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ 11 ngày 23 tháng 11 năm 2020.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.
- Điện thoại : (0269) 3715390
- Fax : (0269) 3715389

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 3.06	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.02	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.07	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại Hà Nội	Số 18/165 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Ban Điều hành thủy điện Pleikrong	Sa Bình, Huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xay xát đá, nghiền đá và cắt tạo dăm đá xây dựng;
- Đầu tư tài chính;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đầu tư, xây dựng và khai thác các nhà máy phong điện vừa và nhỏ, thủy điện, điện mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình điện;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bị phụ cơ giới và công nghệ xây dựng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban quản lý, điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019
Ông Kim Thành Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019
Ông Vũ Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Bình Đông	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Văn Tăng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Thụ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Việt Lương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2018
Ông Phạm Duy Huân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2018
Ông Trần Trọng Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

#### Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Toàn	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Vũ Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2019
Ông Đặng Bá Điền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2016
Ông Phí Đình Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2013

#### Đại diện pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Toàn	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Vũ Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Xuân Toán  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021



Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam	
	Tel: +84 (028) 3547 2972	Fax: +84 (028) 3547 2970
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam	ktlv.hn@a-c.com.vn
	Tel: +84 (024) 3736 7879	Fax: +84 (024) 3736 7869
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A/01, Le Hong Phong Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam	ktlv.nh@a-c.com.vn
	Tel: +84 (0258) 246 5151	Fax: +84 (0258) 246 5806
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam	ktlv.ct@a-c.com.vn
	Tel: +84 (0292) 376 4995	Fax: +84 (0292) 376 4996

Số: 3.0117/21/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo thuyết minh số VII.3, Công ty Cổ phần Sông Đà 3 và Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 có thống nhất cắt giảm phần doanh thu không đủ điều kiện thanh toán với giá trị 40.988.588.326 VND và bù trừ vào giá trị đã nghiệm thu chưa xuất hóa đơn của hạng mục Nhà máy của Công trình thủy điện Đồng Nai 5. Do ảnh hưởng của sự kiện trên, giá vốn của hạng mục Nhà máy của Công trình thủy điện Đồng Nai 5 được ghi nhận thiếu trong năm nay với giá trị theo ước tính của chúng tôi là 31.500.000.000 VND. Nếu giá vốn của công trình này được điều chỉnh, thì trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp, các khoản mục “Hàng tồn kho” (mã số 141) và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ giảm 31.500.000.000 VND, đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, khoản mục “Giá vốn hàng bán” (mã số 11) sẽ tăng và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (mã số 60) sẽ giảm với cùng số tiền 31.500.000.000 VND.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.2 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 193.914.530.819 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục bị đình trệ do thiếu vốn hoạt động. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Nha Trang**



**Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0192-2018-008-1



**Trần Thị Cẩm Vân – Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3215-2020-008-1

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>623.543.138.105</b>	<b>674.808.748.183</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.722.367.248</b>	<b>1.658.689.925</b>
1. Tiền	111		1.722.367.248	1.658.689.925
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>366.897.704.787</b>	<b>393.489.999.257</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	310.362.680.530	317.663.864.670
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	12.880.521.717	16.361.998.644
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	60.406.773.059	76.216.406.462
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(16.752.270.519)	(16.752.270.519)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>252.506.843.732</b>	<b>274.843.237.171</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	252.506.843.732	274.843.237.171
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.416.222.338</b>	<b>4.816.821.830</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	119.370.360	155.149.254
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.670.762.355	4.035.582.953
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	626.089.623	626.089.623
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>289.479.839.273</b>	<b>296.195.406.360</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.949.534.985</b>	<b>24.405.927.931</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	20.767.397.474	24.142.840.424
- Nguyên giá	222		179.990.097.133	179.990.097.133
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(159.222.699.659)	(155.847.256.709)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	182.137.511	263.087.507
- Nguyên giá	228		404.750.000	404.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(222.612.489)	(141.662.493)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>68.207.128</b>	<b>68.207.128</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	68.207.128	68.207.128
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>264.203.280.000</b>	<b>264.203.280.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	259.303.280.000	259.303.280.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	4.900.000.000	4.900.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.258.817.160</b>	<b>7.517.991.301</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.258.817.160	7.517.991.301
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>913.022.977.378</b>	<b>971.004.154.543</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>817.457.668.924</b>	<b>875.576.406.475</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>817.457.668.924</b>	<b>875.576.406.475</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	196.305.594.741	194.043.244.698
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	626.122.160	22.045.554.336
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.650.423.859	1.820.878.311
4. Phải trả người lao động	314	V.16	4.668.554.996	2.698.173.988
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	115.293.361.267	115.515.411.022
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a, b	22.493.979.224	34.983.511.443
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a, b	475.158.019.636	503.208.019.636
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.261.613.041	1.261.613.041
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>95.565.308.454</b>	<b>95.427.748.068</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>95.565.308.454</b>	<b>95.427.748.068</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	159.993.560.000	159.993.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		159.993.560.000	159.993.560.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	100.029.499.600	100.029.499.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	23.233.250.510	23.233.250.510
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(187.691.001.656)	(187.828.562.042)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(187.828.562.042)	(187.828.562.042)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		137.560.386	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>913.022.977.378</b>	<b>971.004.154.543</b>

Kon Tum, ngày 31 tháng 03 năm 2021

  
**Phạm Hồng Trung**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Văn Hình**  
 Kế toán trưởng

  
**Phạm Xuân Toán**  
 Quyền Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.295.195.076	66.779.908.259
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.295.195.076	66.779.908.259
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	88.984.865.154	56.936.064.704
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.689.670.078)	9.843.843.555
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23.476.285.434	35.673.148.293
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.098.950.000	32.346.614.036
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.098.950.000	32.346.614.036
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	12.222.039.083	12.596.531.077
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		465.626.273	573.846.735
11. Thu nhập khác	31	VI.6	15.997	1.721.424.158
12. Chi phí khác	32	VI.7	328.081.884	2.124.583.211
13. Lợi nhuận khác	40		(328.065.887)	(403.159.053)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		137.560.386	170.687.682
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		137.560.386	170.687.682
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8		

Kon Tum, ngày 31 tháng 03 năm 2021

  
**Phạm Hồng Trung**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Văn Hình**  
 Kế toán trưởng

  
**Phạm Xuân Toàn**  
 Quyền Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		137.560.386	170.687.682
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	3.456.392.946	7.654.260.681
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	(156.026.051)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(23.476.285.434)	(37.394.572.451)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	5.098.950.000	32.346.614.036
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(14.783.382.102)	2.620.963.897
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		36.532.911.868	20.567.074.026
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	22.336.393.439	(10.135.971.378)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(37.767.687.551)	(1.259.267.908)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7	3.294.953.035	(2.305.781.323)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	-	(296.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.613.188.689</b>	<b>9.190.517.314</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(40.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.181.020.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.050.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.900.488.634	3.686.015
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>15.900.488.634</b>	<b>3.194.706.924</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(25.450.000.000)	(11.999.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(25.450.000.000)</b>	<b>(11.999.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>63.677.323</b>	<b>386.224.238</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.658.689.925</b>	<b>1.272.465.687</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1.722.367.248</b>	<b>1.658.689.925</b>

  
**Phạm Hồng Trung**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Văn Hình**  
 Kế toán trưởng

  
**Phạm Xuân Toán**  
 Quyền Tổng Giám đốc



Kon Tum, ngày 31 tháng 03 năm 2021